

Hải Phòng, ngày 20 tháng 08 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ TM820.1)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm Hoá chất xét nghiệm của Bệnh viện Phụ Sản năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
Địa chỉ email: tmsduoc.bvps24@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 20 tháng 08 năm 2024 đến trước 17h ngày 30 tháng 08 năm 2024
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	- Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Yêu cầu vận chuyển	Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng

- Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. ✓

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: TMSKD.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS Vũ Văn Lâm

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật
1	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	8	Hộp	Thành phần: R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): $\geq 45 \mu\text{kat/L}$; chất ổn định; chất bảo quản PYP Pyridoxal phosphate (DL): 730 $\mu\text{mol/L}$; chất bảo quản SR NADH (nấm men): $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia
2	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin theo phương pháp men	12	Hộp	Thành phần: R1 Đệm TAPS (N-Tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid): 30 mmol/L, pH 8.1; creatinase (vi sinh): $\geq 332 \mu\text{kat/L}$; sarcosine oxidase (vi sinh): $\geq 132 \mu\text{kat/L}$; ascorbate oxidase (vi sinh): $\geq 33 \mu\text{kat/L}$; catalase (vi sinh): $\geq 1.67 \mu\text{kat/L}$; HTIB: 1.2 g/L; chất tẩy; chất bảo quản SR Đệm TAPS: 50 mmol/L, pH 8.0; creatininase (vi sinh): $\geq 498 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 16.6 \mu\text{kat/L}$; 4-aminophenazone: 0.5 g/L; kali hexacyanoferrate (II): 60 mg/L; chất tẩy; chất bảo quản
3	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	8	Hộp	Thành phần: R1 Đệm TRIS: 100 mmol/L, pH 7.8; Mg^{2+} : 4 mmol/L; ATP: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; NADP: $\geq 1.0 \text{ mmol/L}$; chất bảo quản SR Đệm HEPES: 30 mmol/L, pH 7.0; Mg^{2+} : 4 mmol/L; HK (nấm men): $\geq 130 \mu\text{kat/L}$; G-6-PDH (E. coli): $\geq 250 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản
4	Cung chứa mẫu	4	Hộp	Cung chứa mẫu để đo

5	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	3	Hộp	Thành phần: R1 Acid citric: 200 mmol/L; thiourea: 115 mmol/L; chất tẩy SR Natri ascorbate: 150 mmol/L; FerroZine: 6 mmol/L; chất bảo quản
6	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	2	Hộp	Thành phần: R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài): $\geq 83.5 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản SR Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; K-hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone: $\geq 3 \text{ mmol/L}$; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae): $\geq 83.4 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải): $\geq 50.0 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản
7	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	1	Hộp	Thành phần: R1 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; pH 13.4. SR Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; kali iodide: 61 mmol/L; đồng sulfate: 24.3 mmol/L; pH 13.2.
8	Chất pha loãng mẫu	1	Hộp	Chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm
9	A1CD2 cobas C111	1	Hộp	Thành phần: Hỗn hợp đệm nước, pH 7.25; TTAB: 36 g/L; đệm phosphate: 80 mmol/L; chất ổn định; chất bảo quản
10	Thuốc thử xét nghiệm Ure	1	Hộp	Thành phần: R1 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300 \mu\text{kat/L}$; GLDH (gan bò): $\geq 80 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản
11	Dung dịch vệ sinh dùng cho mô đun ISE	1	Hộp	Vệ sinh điện cực chọn lọc ion và dùng cho hệ thống máy phân tích sinh hóa để vệ sinh dòng chảy ISE